

V/v giải trình báo cáo kết quả kinh doanh
hợp nhất quý 3 năm 2021

Kính gửi:

- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2021

STT	CHỈ TIÊU	Mã	QUÝ 3 NĂM 2021	QUÝ 3 NĂM 2020	CHÊNH LỆCH	%
		số				
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	303.022.946.175	334.235.331.524	(31.212.385.349)	90,66
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2	2.090.658.764	87.160.907	2.003.497.857	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 10 - 01)	10	300.932.287.411	334.148.170.617	(33.215.883.206)	90,06
4	Giá vốn hàng bán	11	205.329.928.651	225.986.249.350	(20.656.320.699)	90,86
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	95.602.358.760	108.161.921.267	(12.559.562.507)	88,39
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	11.116.876.246	13.496.817.174	(2.379.940.928)	82,37
7	Chi phí tài chính	22	1.369.996.915	3.620.733.678	(2.250.736.763)	37,84
	Trong đó : Chi phí lãi vay	23	945.627.188	3.553.451.162	(2.607.823.974)	26,61
8	Chi phí bán hàng	24	3.989.758.061	6.043.803.252	(2.054.045.191)	66,01
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	17.454.259.207	20.930.366.099	(3.476.106.892)	83,39
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh { 30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25) }	30	83.905.220.823	91.063.835.412	(7.158.614.589)	92,14
11	Thu nhập khác	31	15.083.969.660	5.271.824.830	9.812.144.830	286,12
12	Chi phí khác	32	8.604.388.701	1.833.843.114	6.770.545.587	469,20
13	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	6.479.580.959	3.437.981.716	3.041.599.243	188,47
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (=30+40)	50	90.384.801.782	94.501.817.128	(4.117.015.346)	95,64
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	14.346.539.231	16.106.483.820	(1.759.944.589)	89,07
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(96.779.459)	96.779.459	
17	Tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	76.038.262.551	78.492.112.767	(2.453.850.216)	96,87
18	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	68.702.910.653	69.809.418.885	(1.106.508.232)	98,41
19	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	7.335.351.898	8.682.693.882	(1.347.341.984)	84,48
20	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	1.598	1.740		
21	Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	1.598	1.740		

Giải Trình:

Trong quý 3 năm 2020: Sản lượng tiêu thụ là: 5.493,16 tấn; Giá bán bình quân: 31.821.479 VND/tấn.

Trong quý 3 năm 2021: Sản lượng tiêu thụ là: 4.863,18 tấn; Giá bán bình quân: 41.042.738 VND/tấn.

Do:

+ Sản lượng tiêu thụ quý 3 năm 2021 thấp hơn quý 3 năm 2020. Nhưng giá bán bình quân cao hơn quý 3 năm 2020.

(giá bán bình quân quý 3 năm 2021 tăng : 9.221.259VND/tấn hay tăng: 28,98 % so với quý 3 năm 2020).

+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh quý 3 năm 2021 giảm: 7.158.614.589VND hay giảm 7,86% so với quý 3 năm 2020. (chủ yếu do cây cao su thanh lý giảm)

+ Lợi nhuận khác quý 3 năm 2021 tăng : 3.041.599.243VND hay tăng: 88,47% so với quý 3 năm 2020.

Do đó, lợi nhuận sau thuế quý 3 năm 2021 giảm: 2.453.850.216VND hay giảm : 15,52% so với quý 3 năm 2020.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, N.Vu (b)



Huỳnh Trọng Thủy